

Số: 499 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Quốc tế LeanCare thuộc Công ty Cổ phần giải pháp chăm sóc sức khỏe Tâm Hợp do Ông Phạm Đức Kiểm chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-SYT ngày 25/4/2019 của Sở Y tế về việc kiện toàn Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 5537/QĐ-SYT ngày 8/8/2017 của Sở Y tế về ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Phòng khám chuyên khoa Đa khoa Quốc tế LeanCare thuộc Công ty Cổ phần giải pháp chăm sóc sức khỏe Tâm Hợp về việc cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám chữa bệnh;

Theo Biên bản thẩm định ngày 06 tháng 5 năm 2020 cấp giấy phép hoạt động cơ sở khám chữa bệnh của Sở Y tế, đối với Phòng khám chuyên khoa Đa khoa Quốc tế LeanCare thuộc Công ty Cổ phần giải pháp chăm sóc sức khỏe Tâm Hợp do Ông Phạm Đức Kiểm chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;





Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế ngày 29/5/2020 về việc thẩm định danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh của Phòng khám chuyên khoa Đa khoa Quốc tế LeanCare thuộc Công ty Cổ phần giải pháp chăm sóc sức khỏe Tâm Hợp do Ông Phạm Đức Kiểm chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật và theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế thực hiện tại Phòng khám Đa khoa Quốc tế LeanCare thuộc Công ty Cổ phần giải pháp chăm sóc sức khỏe Tâm Hợp do Ông Phạm Đức Kiểm chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà Nguyễn Lâm Tower, 133 Dương Bà Trạc, Phường 01, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Ông Phạm Đức Kiểm chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bà, Ông: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan và Ông Phạm Đức Kiểm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở;
- PYT Quận 8 (để biết);
- Cổng Thông tin Điện tử SYT (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY.NHD.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Chí Thượng

Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện tại Phòng khám Đa khoa Quốc tế LeanCare thuộc Công ty Cổ phần giải pháp chăm sóc sức khỏe Tâm Hợp do Ông Phạm Đức Kiểm chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật
(Ban hành kèm theo Quyết định số 499/QĐ-SYT ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1.	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x
2.	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
3.	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
		B. HÔ HẤP				
4.	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
5.	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
6.	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
7.	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
8.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
9.	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
10.	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
		C. THẬN - LỌC MÁU				
11.	164	Thông bàng quang (thông tiểu qua đường niệu đạo)	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
12.	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
13.	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
14.	269	Băng ép bất động sơ cứu rạn cần	x	x	x	x
15.	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
16.	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
17.	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
		F. XÉT NGHIỆM				
		G. THĂM DÒ KHÁC				
18.	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	
		II. NỘI KHOA				
		A. HÔ HẤP				
19.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
20.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
21.	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP			x	
22.	373	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x		
23.	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x		
		XXIII. PHỤ SẢN				
		B. PHỤ KHOA			x	
24.	148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	

C.H.C.N
SỞ
Y TẾ
HỒ HỒ

mu

25.	151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
26.	152	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
27.	153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x	
28.	164	Khám nam khoa	x	x	x	
29.	165	Khám phụ khoa	x	x	x	x
30.	167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				x
31.	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
32.	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
33.	5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	x			
34.	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x		
35.		2. Siêu âm vùng ngực				x
36.	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
37.		3. Siêu âm ổ bụng				x
38.	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
39.	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
40.	17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	x	x		
41.	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
42.	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
43.	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
44.	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
45.	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
46.	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
47.	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
48.		4. Siêu âm sản phụ khoa				x
49.	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
50.	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
51.		5. Siêu âm cơ xương khớp				x
52.	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
53.	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x	x		
54.		6. Siêu âm tim, mạch máu				x
55.	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
56.	46	Siêu âm cầu nối i động mạch tĩnh mạch	x			
57.	47	Siêu âm nội mạch	x			
58.	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		
59.	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
60.	51	Siêu âm tim, mạch máu có cản âm	x			
61.	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
62.		7. Siêu âm vú				x
63.	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
64.	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
65.	56	Siêu âm đàn hồi mô vú	x			
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU				
		C. TẾ BÀO HỌC				

66.	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	X	X	X	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
67.	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	X	X	X	
68.	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	X	X	X	
		XIV. HÓA SINH				
		A. MÁU				
69.	3	Định lượng Acid Uric	X	X	X	
70.	10	Đo hoạt độ Amylase	X	X	X	
71.	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X	X	
72.	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X	X	
73.	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	X	X	X	
74.	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	X	X	X	
75.	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X	X	
76.	29	Định lượng Calci toàn phần	X	X	X	
77.	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	X	X	X	
78.	51	Định lượng Creatinin	X	X	X	
79.	75	Định lượng Glucose	X	X	X	
80.	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	X	X	X	
81.	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	X	X	X	
82.	158	Định lượng Triglycerid	X	X	X	
83.	166	Định lượng Urê	X	X	X	
		B. NƯỚC TIỂU				
84.	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	X	X	X	X
		XXIV. VI SINH				
		A. VI KHUẨN				
		6. Các vi khuẩn khác				
85.	74	Helicobacter pylori Ag test nhanh	X	X	X	
		B. VIRUS				
		2. Hepatitis virus				
86.	117	HBsAg test nhanh	X	X	X	
87.	122	HBsAb test nhanh	X	X	X	
88.	127	HBcAb test nhanh	X	X	X	
89.	130	HBeAg test nhanh	X	X	X	
90.	133	HBeAb test nhanh	X	X	X	
91.	144	HCV Ab test nhanh	X	X	X	
92.	155	HAV Ab test nhanh	X	X	X	
93.	163	HEV Ab test nhanh	X	X	X	
		4. Dengue virus				
94.	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	X	X	X	
95.	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	X	X	X	
96.	185	Dengue virus IgA test nhanh	X	X	X	
97.	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	X	X	X	



16/11

